

Phần Phụ Lục 1

Dự đoán bằng Dịch học trong thực tiễn

Từ xa xưa, Dịch học được vận dụng rất phổ biến trong đời sống thực tiễn của người Phương Đông. Nó vừa là yếu tố Tâm linh nhưng cũng là đời sống Tinh thần không thể thiếu của người Phương Đông.

Dịch học thâm nhập rất sâu vào mọi lĩnh vực có thể có của cuộc sống của người Phương Đông. Cho đến khi trước lúc các Triều đại Phong kiến của Phương Đông sụp đổ thì Dịch học là Trường phái Học thuật cực kỳ hùng mạnh của Phương Đông mà không gì có thể thay thế nó.

Vì lẽ đó, tuân thủ với những nguyên tắc vốn có của Dịch học và kết hợp với các nguyên tắc Toán học Hiện đại mà Tam Nguyên Luận đã đồng nhất (Công trình này đã có thể chứng minh được tính Khoa học đúng đắn và siêu thực của Dịch học bằng các nguyên tắc của Toán học Hiện đại nên đã khẳng định được sự tin cậy mà các phương pháp dự đoán của Dịch học có thể mang lại cho con người) để đưa ra các Phương pháp Ứng dụng Dịch học cho Dự đoán theo các nguyên tắc đơn giản nhất nhưng cũng có thể đạt được kết quả tin cậy nhất.

Quá trình thực hiện Dự đoán bằng Dịch học được tiến hành lần lượt qua các bước như sau:

1.1. Các phương pháp thực hiện

Có nhiều phương pháp để thực hiện Dự đoán bằng Dịch học. Tuy nhiên, chỉ cần nghiên cứu một số phương pháp như sau:

- *Thống kê*

Cách thứ nhất là thống kê để lấy các Số liệu và sau đó thực hiện dự đoán trên cơ sở các Số liệu đã thống kê được.

- *Gieo Quẻ*

Cách thứ hai là gieo quẻ bằng hai đồng tiền để lấy xác suất sắp ngửa của các đồng tiền. Đây là cách mà Thiệu Vĩ Hoa (nhà Dịch học nổi tiếng đương thời của Trung Quốc) vẫn hay dùng.

Trên cơ sở các xác suất sắp ngửa của các đồng xu sau sáu lần gieo sẽ được lập thành Quẻ để dự đoán.

Phương pháp này có nhược điểm là có khi trùng hợp xác suất ‘động’ quá lớn. Có khi làm cho cả 6 Hào của Quẻ đều động nên có khi phải gieo Quẻ nhiều lần mới lấy được Quẻ. Vì thế nó làm mất độ ‘linh nghiệm’ của Quẻ lấy được.

- *Bốc Cỏ thi*

Đây là cách mà Thiệu Khang Tiết và nhiều nhà Dịch học thời Cổ và Trung Cổ của Trung Hoa vẫn thường làm.

Chọn ra 49 sợi Cỏ thi thật thẳng và thật tốt cho việc bốc thăm. Người bốc thăm sẽ bốc một nắm cỏ bất kỳ trong số 49 sợi (hoặc nếu không có Cỏ thi thì có

thể lấy 49 sợi bất kỳ hoặc các 49 que nhỏ bằng tre hay bằng nhựa bất kỳ. Tuy nhiên, hữu hiệu nhất vẫn là cỏ thi).

Bốc thành hai lần, lần thứ nhất bằng tay trái nếu người bốc thăm là Nam (bằng tay phải nếu người bốc thăm là Nữ).

Bốc lần thứ hai bằng tay phải đối với Nam và bằng tay trái đối với Nữ.

Mỗi lần bốc đều đem số sợi cỏ bốc được là bao nhiêu sau đó trả số cỏ bốc được vào chỗ cũ của nó.

Phương pháp Bốc Cỏ thi có ưu điểm lớn là chỉ cho một Hào động nên việc lấy Quẻ chỉ cần thực hiện đúng một lần. Không cần phải bốc nhiều lần để tránh sự rườm rà như phương pháp dùng hai đồng xu để gieo Quẻ.

- **Chọn số ngẫu nhiên trên Máy Vi tính**

Cả ba cách nói trên thực chất đều dự đoán theo các nguyên lý của Xác suất Toán học kết hợp với các yếu tố ngẫu nhiên được xác định thông qua quá trình Gieo Quẻ hoặc Bốc Cỏ thi cũng như Thống kê (vì thực chất, những Số liệu có thể thu được cũng chỉ là ngẫu nhiên mà có được).

Vì vậy, Công trình nghiên cứu này cũng đã thực hiện thành công phương pháp Gieo Quẻ ngẫu nhiên trên Máy Vi tính bằng cách tạo ra Chuỗi số từ 1 đến 49 và cho xáo trộn ngẫu nhiên để người cần biết thông tin có thể đánh phím Máy Vi tính để chọn ngẫu nhiên. Với các số được chọn sẽ được lập thành Quẻ để đưa ra các thông tin cần biết.

1.2. Các Tham số cơ bản

- **Số Tham số**

Có sáu Tham số cơ bản để lập ra Quẻ Dịch đại diện cho sáu Lượng tử Thông tin. Tại sao cần phải có sáu Lượng tử Thông tin?

- **Cơ sở Khoa học**

Theo Nguyên lý Tam tài là [Thiên, Địa, Nhân] của Dịch học và Tam Nguyên Luận cũng đã chứng minh sự đúng đắn của Tam Tài để tạo ra Hệ thống Mã và Giải Mã theo Toán học Mơ hồ dựa trên ba Nhóm Mã tượng trưng cho [Thiên, Nhân, Địa], mỗi một nhóm Mã (được tạo bởi một phần tử tương ứng của Tam Tài) gồm ba Bits tượng trưng cho các Giá trị riêng của Mã và có thể được diễn đạt như dưới đây:

$$[\text{Heaven} \begin{matrix} + \\ 0 \\ - \end{matrix}, \text{Man} \begin{matrix} + \\ 0 \\ - \end{matrix}, \text{Earth} \begin{matrix} + \\ 0 \\ - \end{matrix}]$$

Tức là ứng với Tài Thiên là Heaven sẽ có ba giá trị là Heaven(-1, 0, 1), ứng với Tài Nhân là Man cũng có ba giá trị là Man(-1, 0, 1) và ứng với Tài Địa là Earth cũng có ba giá trị là Earth(-1, 0, 1).

Vì vậy, có tất cả là 9 Bits trong Hệ Mã. Tuy vậy, mỗi nhóm Mã có 3 Bits nhưng có 1 Bit bằng 0 nên nó có thể được xác định bằng giá trị trung hoà của 2 Bit kia, nghĩa là $0 = 1 - 1$:

Nhờ vậy, chỉ cần xác định 2 Bit (Dịch học gọi là Hào) cho mỗi nhóm Mã và toàn bộ Tam Tài chỉ cần 6 Bits (6 Hào theo Dịch học) là đủ.

- **Phép gán Tham số**

Toán học Mơ hồ có thể chứng minh được rằng *mọi quá trình vận động của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn bị Thời gian chi phối*, vì thế, nếu xác định được Thời gian thì cũng có thể xác định Thông tin liên quan.

Trên cơ sở đó, Dịch học và Tam Nguyên Luận đã gán các giá trị Thời gian cho các Bits giá trị của Tài Thiên và Tài Địa. Riêng đối với hai Bits của Tài Nhân phải do con người tự lựa chọn bằng cách lấy Quẻ (Gieo Quẻ hoặc bốc thăm...).

Như vậy, Năm được xác định theo Can và Chi để làm thành các Bits của Tài Thiên (ứng với Thời gian rất lớn của Vũ trụ) ;

Ngày và Giờ được xác định theo Chi để làm thành các Bits của Tài Địa (ứng với Thời gian rất gần của Trái đất);

Kết hợp với các kết quả mà người cần biết thông tin tạo ra do gieo quẻ hoặc bốc thăm... để lập thành các Bits cho Tài Nhân.

Như vậy là đủ các giá trị của 6 Bits cho Tam Tài (Thiên, Nhân, Địa) để lập thành Quẻ Dự đoán.

- **Xây dựng Mã**

Với các lý luận nói trên (sẽ được chứng minh cụ thể và đầy đủ ở Toán học Mơ hồ – Quyển 3), các Tham số cần thiết cho việc dự đoán bằng Dịch học có thể được diễn đạt như dưới đây:

Thiên(Năm, Tháng) ;

Địa(Ngày, Giờ) ;

Nhân(gieo quẻ lần 1, gieo quẻ lần 2)

Như vậy, hệ thống Mã được lập cho việc lấy Quẻ được diễn đạt bằng hệ thức Toán học như dưới đây:

$$[\text{Heaven} \begin{array}{c} \text{Năm} \\ 0 \\ \text{Tháng} \end{array}, \text{Man} \begin{array}{c} \text{Lần 1} \\ 0 \\ \text{Lần 2} \end{array}, \text{Earth} \begin{array}{c} \text{Ngày} \\ 0 \\ \text{Giờ} \end{array}]$$

Theo trên, Hệ thống Mã Dịch học được nói trên sẽ phụ thuộc rất lớn theo Thời gian lấy Quẻ. Thời gian sẽ được xác định theo Can và Chi sau đó được qui đổi thành các giá trị số để đồng nhất với các số được xác định bằng gieo quẻ hoặc bốc thăm...

Theo nguyên tắc của Thuật Số Phương Đông (Dịch học dựa trên căn bản của Thuật Số Phương Đông), tất cả các Bits nói trên đều được qui ước theo Vị tự Lượng tử của chúng.

- **Mã Thời gian**

Mã Thời gian được gọi là Code(T) là các yếu tố rất quan trọng cho việc xác định Quẻ Dự đoán và nó phải được đồng nhất thành các giá trị số học để có thể phối hợp với các kết quả gieo quẻ cho việc lập Quẻ Dự đoán.

Vì Thời gian (chủ yếu là của Năm) được phối hợp giữa Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi nên nó có thể được xác định bởi hệ thức dưới đây:

$$\text{Code}(T) = \text{Can} + \text{Chi}$$

Với các giá trị của Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi được qui đổi thành Mã số Số học theo đúng Vị tự Lượng tử dưới đây:

○ **Thập Thiên Can**

Giáp = 1	Kỷ = 6
Ất = 2	Canh = 7
Bính = 3	Tân = 8
Đinh = 4	Nhâm = 9
Mậu = 5	Quý = 10

Với các Mã số nói trên, các Can được qui ước theo đúng Vị tự Lượng tử của chúng theo thứ tự: Càng lùi về sau thì các Lượng tử càng Âm hơn các Lượng tử trước đó.

Ngược lại, càng tiến về trước thì các Lượng tử càng Dương hơn theo đúng Qui luật Phủ định (các Lượng tử sinh ra sau sẽ phủ định các Lượng tử sinh ra trước nên các Lượng tử càng đứng sau thì càng trở nên Âm hơn): Giáp là Dương lớn nhất, Quý là Âm nhất.

○ **Thập Nhị Địa Chi**

Tý = 1	Mão = 4	Ngọ = 7	Dậu = 10
Sửu = 2	Thìn = 5	Mùi = 8	Tuất = 11
Dần = 3	Ty = 6	Thân = 9	Hợi = 12

Tương tự Thập Thiên Can, các Chi cũng được qui ước theo Vị tự Lượng tử, càng đứng sau thì các Chi càng Âm. Ngược lại, càng đứng trước thì Chi càng Dương: Tý là Dương lớn nhất, Hợi là Âm nhất.

○ **Giờ được qui đổi theo Thập Nhị Địa Chi**

Tý = 23 ÷ 1 giờ	Ngọ = 11 ÷ 13 giờ
Sửu = 1 ÷ 3 giờ	Mùi = 13 ÷ 15 giờ
Dần = 3 ÷ 5 giờ	Thân = 15 ÷ 17 giờ
Mão = 5 ÷ 7 giờ	Dậu = 17 ÷ 19 giờ
Thìn = 7 ÷ 9 giờ	Tuất = 19 ÷ 21 giờ
Ty = 9 ÷ 11 giờ	Hợi = 21 ÷ 23 giờ

Giờ được qui về Thập Nhị Địa Chi, sau đó sẽ được qui đổi về Mã thứ tự của Vị tự Lượng tử theo bảng Thập Nhị Địa Chi nói trên.

○ **Mã phối hợp Ngũ Hành với Bát Quái**

Càn = 1 = Kim 	Tôn = 5 = Mộc 
Đoài = 2 = Kim 	Khảm = 6 = Thủy 

Ly = 3 = Hoả ☲

Cần = 7 = Thổ ☷

Chấn = 4 = Mộc ☳

Khôn = 8 = Thổ ☷

Bát Quái cũng được qui ước theo Vị tự Lượng tử của các Quái. Quái đứng đầu là Càn là Dương lớn nhất, các Quái tiếp theo giảm dần và từ Dương sẽ biến đổi dần thành Âm. Cho nên, Âm nhất trong Bát Quái chính là Khôn đứng ở cuối cùng.

Chú ý 1: Có hai loại Bát Quái gồm Tiên Thiên Bát Quái (do Phục Hy sáng lập) và Hậu Thiên Bát Quái (do Văn Vương sáng lập) nhưng qui tắc của các Quái của cả hai Bát Quái đều có cùng sự thống nhất như sau:

Càn (Dương) sinh ra ba Âm gồm Đoài (là Tiểu Âm), Ly (Trung Âm) và Chấn (Lão Âm);

Khôn (Âm) sinh ra ba Dương gồm Tốn (Lão Dương), Khảm (Trung Dương) và Cấn (Tiểu Dương).

Thứ tự khi phối theo các Mùa và các Phương vị thì Tiên Thiên Bát Quái và Hậu Thiên Bát Quái được phối hợp có khác nhau. Thực chất, sự khác nhau này là do điều kiện Địa lý của từng vùng bị thay đổi nên cần phải được hiệu chỉnh.

Chú ý 2: Thực chất, Thập Thiên Can, Thập Nhị Địa Chi, Ngũ Hành và Bát Quái chính là các Hệ thống Mã qui ước do con người lập ra cho nên các phần tử bất kỳ của Hệ thống có thể có thứ tự bất kỳ nhưng miễn là phải được thống nhất trong suốt quá trình vận dụng.

Có nghĩa là khi lập Mã, các phần tử của Mã được qui ước như thế nào thì khi giải Mã cũng phải tuân thủ theo nguyên tắc đó thì kết quả đều như nhau: Nếu qui ước khi lập Mã lại lấy theo thứ tự và giá trị khác và lúc giải Mã lại lấy theo thứ tự và giá trị khác thì kết quả sẽ sai:

Mọi qui ước lập Mã và giải Mã đều phải thống nhất thành Hệ thống.

○ Các đặc tính của Ngũ Hành

Ngũ Hành Tương Sinh

Kim sinh Thủy
Thủy Sinh Mộc
Mộc sinh Hoả
Hoả sinh Thổ
Thổ sinh Kim

Ngũ Hành Tương Khắc

Kim khắc Mộc
Mộc khắc Thổ
Thổ khắc Thủy
Thủy khắc Hoả
Hoả khắc Kim

Ngũ Hành là một Chuỗi tuần hoàn có tính khép kín nên không qui định Âm – Dương cụ thể mà nó được theo Bát Quái và có đặc tính Âm hay Dương phụ thuộc vào Bát Quái.

Như trên đã lý giải, sự phối hợp của Ngũ Hành với Bát Quái có thể được điều chỉnh theo thói quen của người sử dụng và theo điều kiện Địa lý

của từng vùng. Vì vậy, Mã phối hợp Ngũ Hành với Bát Quái theo qui định nói trên đã được trải nghiệm với điều kiện Địa lý và múi giờ của Việt nam.

Chú ý 1: Đối với Trung Quốc và một số Quốc gia khác, khi vận dụng Dịch học phải phối hợp Bát Quái với Ngũ Hành theo Mã số khác (Mã phối hợp Ngũ Hành theo Bát Quái được lập bởi Văn Vương vẫn được Thiệu Khang Tiết, Thiệu Vĩ Hoa và nhiều nhà Dịch học Trung Quốc sử dụng nhưng không đúng với điều kiện của Việt nam).

Chú ý 2: Thực chất vì thứ tự của Bát Quái Tiên Thiên và Bát Quái Hậu Thiên theo qui tắc sinh là như nhau (Cần sinh Đoài, Ly và Chấn. Khôn sinh Cấn, Khảm và Tốn) nên thứ tự khi lập Mã cho Bát Quái trong mọi điều kiện Địa lý của Quốc gia này hay Quốc gia khác đều không có gì thay đổi. Chỉ riêng Mã phối hợp của Ngũ Hành là phải thay đổi.

Thực chất: Theo nguyên tắc phối hợp – chỉnh hợp của Toán học nếu có Hai Chuỗi bất kỳ là $S[S_1, S_2... S_n]$ và $T[T_1, T_2, ... T_n]$ phối trộn với nhau thì có thể xáo trộn hoặc là Chuỗi S hoặc là Chuỗi T hoặc là cả hai Chuỗi thì kết quả của chúng cũng đều được điều chỉnh nên nếu điều chỉnh Mã phối hợp của Ngũ Hành thì có thể không cần điều chỉnh Mã của Bát Quái hoặc nếu điều chỉnh Mã của Bát Quái thì không cần điều chỉnh Mã của Ngũ Hành.

1.3. Cách lập Quẻ

• Ví dụ cụ thể

Có một người đã từng lấy Quẻ **bằng cách bốc Cỏ thi** vào ngày 21, tháng 4 năm 2000 và vào lúc 20 giờ.

Bốc thăm lần 1 được 7 sợi cỏ

Bốc thăm lần 2 được 12 sợi cỏ

Thứ tự lập Mã như sau

Năm 2000 là Canh Thìn = Canh + Thìn = 7 + 5 = 12

Ngày 21 (Âm lịch) = 21

20 giờ = Tuất = 11

Bốc lần 1 = 7 = 7

Cộng = 55 (số của Tử)

Bốc lần 2 = 12 = 12

Cộng = 67 (số của Mẫu)

• Cách tính Quẻ

Trước hết, Quẻ được tạo thành hai loại Quẻ gồm Quẻ chính và Quẻ biến. Quẻ chính là Quẻ gốc thu được ngay sau khi lập thành Quẻ. Quẻ biến là Quẻ được tạo thành do sự biến đổi của Hào động.

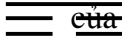
Ngoài ra, Quẻ được lập thành nhờ sự phối hợp giữa hai Quẻ đơn, một Quẻ đơn ở trên được gọi là Quẻ Tử (tức là Tử số của Quẻ) hay còn được gọi là Quẻ

trên (cũng còn được gọi là Ngoại Quái) và Quẻ đơn ở dưới được gọi là Quẻ Mẫu (Mẫu số của Quẻ) hay còn được gọi là Quẻ dưới (Nội Quái).

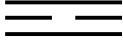
○ Tử và Mẫu của Quẻ

Quẻ gồm Mẫu và Tử được xác định lần lượt như sau:

Tử của Quẻ được xác định bằng cách lấy ‘số của Tử’ chia cho 8 và lấy số Dư của phép chia để làm thành Tử số của Quẻ:

$55 : 8 = 6 \text{ dư } 7 \rightarrow 7$ là Tử số của Quẻ. 7 ứng với Cấn  của Bát Quái và ứng Thổ của Ngũ Hành (xem Mã phối hợp Ngũ Hành và Bát Quái đã được trình bày ở trên – trang trước).

Mẫu của Quẻ được xác định bằng cách lấy ‘số của Mẫu’ chia cho 8 và lấy số Dư của phép chia để làm Mẫu của Quẻ như sau:

$67 : 8 = 8 \text{ dư } 3 \rightarrow 3$ là Mẫu của Quẻ. 3 ứng với Ly  của Bát Quái và ứng Hoả của Ngũ Hành (xem Mã phối hợp Ngũ Hành và Bát Quái đã được trình bày ở trên – trang trước).

○ Tìm Hào động (Bit biến đổi)

Lấy ‘số của Mẫu’ chia cho sáu và lấy số dư của phép chia để tìm được Bit biến đổi (Hào động) như sau:

$67 : 6 = 11 \text{ dư } 1 \rightarrow 1$ là Bit biến đổi tức là Bit thứ nhất được tính từ dưới lên của Quẻ.

Nếu Hào nào được xác định là Hào động thì Hào đó sẽ biến đổi thành giá trị khác. Ví dụ, hiện tại Hào này đang là Âm thì sẽ biến đổi thành Dương. Ngược lại, nếu Hào này đang là Dương thì nó sẽ biến đổi thành Âm.

• Thiết lập mối quan hệ của Quẻ

Có hai loại Quẻ gồm Quẻ Chính và Quẻ Biến: Quẻ Chính để xem kết quả hiện tại và Quẻ Biến để xem về tương lai ra sao.

○ Quẻ Chính

$$\text{Quẻ} = \text{Tử/Mẫu} = 7/3 = \text{Thổ/Hoả} = \begin{array}{c} 6 \\ 5 \\ 4 \\ 3 \\ 2 \\ 1 \end{array} \begin{array}{c} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array} \begin{array}{c} \text{Cấn} \\ \text{Ly} \end{array}$$

Theo trên, Mẫu và Tử của Quẻ được gọi là các Quẻ đơn của Quẻ, Quẻ đơn nào có Bit biến đổi thì Quẻ đơn đó được gọi là ‘Dụng’ (Dụng theo tiếng Hán có nghĩa là Động có nghĩa là nếu Bit đó là Âm thì nó sẽ biến đổi thành Dương. Ngược lại, nếu Bit đó là Dương thì nó sẽ biến thành Âm).

Theo như việc tìm Hào động (Bit biến đổi) đã xác định được như trên là Bit

thứ nhất tính từ dưới lên được gọi là Hào động, ứng với Quẻ Mẫu của Quẻ là Quẻ Ly có Hào động nên Mẫu của Quẻ được gọi là Dụng.

Quẻ Tử của Quẻ không có Hào động nên được gọi là Thê (Thê là Quẻ được giữ nguyên). Trên cơ sở đó, Quẻ được xác định lại như sau:

Vì vậy, Thê là Thỏ (Cần) và Dụng là Hoả (Ly) nên ứng với Nguyên lý Sinh/Khắc của Ngũ Hành thì Dụng sinh Thê. (Khẳng định là Quẻ tốt).

Xem trong bảng đoán kết quả dưới đây.

○ Quẻ Biến

Vì Hào thứ nhất của Quẻ Mẫu là Hào động, Hào này vốn là Hào Dương (xem Quẻ trên), nên nó sẽ biến thành Âm theo nguyên lý biến đổi của Hào động. Tức là Quẻ Mẫu đang là Ly $\text{☲} \text{---}$ sẽ biến thành Cần $\text{☵} \text{---}$ nên Quẻ sẽ biến thành Cần/Cần như sau:

$$\begin{array}{c} \text{☵} \\ \text{☵} \\ \text{☵} \end{array} \begin{array}{c} \text{☲} \\ \text{☲} \\ \text{☲} \end{array} \begin{array}{c} \text{Cần} \\ \text{Cần} \end{array} = \begin{array}{c} \text{☵} \\ \text{☵} \\ \text{☵} \end{array} \begin{array}{c} \text{☵} \\ \text{☵} \\ \text{☵} \end{array} \begin{array}{c} \text{Thỏ} \\ \text{Thỏ} \end{array}$$

Trên cơ sở đó, Dụng = Thê và đều là Thỏ (tra theo bảng 64 Quẻ của Dịch học ứng với Quẻ 52 được gọi là Bát thuần Cần) nên kết quả sẽ rất tốt đẹp. Xem ở bảng tra sau đây.

1.4. Tra cứu các kết quả của Quẻ

Có hai cách tra cứu gồm tra cứu diễn giải bằng 64 Quẻ của Dịch học và cách tra vắn tắt kết quả như dưới đây:

• Tra cứu diễn giải bằng 64 Quẻ của Dịch học

64 Quẻ Dịch được tạo thành như sự phối hợp theo Ma trận của hai Bát Quái tương ứng. Quẻ Tử sẽ được tra theo Quẻ trên (Ngoại Bát Quái) và Quẻ Mẫu sẽ được tra theo Quẻ dưới (Nội Bát Quái).

Ứng với Tử của Quẻ sẽ được tra theo Quẻ trên (theo hàng ngang) và ứng với Mẫu của Quẻ sẽ được tra theo Quẻ dưới (theo hàng dọc) để xác định số thứ tự hay còn gọi là Mã của Quẻ.

Bảng tra 64 Quẻ của Dịch học

Ngoại Bát Quái (Quẻ trên)

	Cần	Đoài	Ly	Chấn	Tốn	Khảm	Cần	Khôn
Cần	1	43	14	34	9	5	26	11
Đoài	10	58	38	54	61	60	41	19
Ly	13	49	30	55	37	63	22	36
Chấn	25	17	21	51	42	3	27	24
Tốn	44	28	50	32	57	48	18	46
Khảm	6	47	64	40	59	29	4	7
Cần	33	31	56	62	53	39	52	15
Khôn	12	45	35	16	20	8	23	2

Nội Bát Quái (Quẻ dưới)

○ Quy tắc phối hợp Âm – Dương

Khi phối hợp các Bát Quái với nhau (Ngoại Bát Quái phối hợp với Nội Bát Quái) cũng như giữa các Lượng tử Âm và Dương bất kỳ với nhau thì các Quy tắc phối hợp được thực hiện như dưới đây:

$$\text{Âm} \wedge \text{Âm} = \text{Dương}$$

Cực tốt – Đảo ngược thế cờ – Biến bại thành thắng – Thành công bất ngờ.
Anh hùng sinh thời thế (chứ không phải thời thế tạo anh hùng).

Âm \wedge Dương = Âm

Xấu – Tiểu nhân đắc ý – Việc không thành

Dương \wedge Âm = Âm

Cực xấu – Bị lọc lừa – Bị bán đứng – Cẩn thận vì bị hãm hại

Dương \wedge Dương = Dương

Tốt – Thế thượng phong – Bất di bất dịch – Thành công mỹ mãn

Chú ý 1: Theo trên, vì Âm phối Âm sẽ thành Dương và Dương phối Dương cũng là Dương nên nếu Tử và Mậu cùng một Quái, ví dụ Tử cũng là Cấn và Mậu cũng là Cấn sẽ tạo thành Quẻ Bát Thuần Cấn. Hoặc Tử là Chấn và Mậu cũng là Chấn sẽ tạo thành Quẻ Chấn Vi Lôi (Bát Thuần Chấn)... được gọi là Quẻ Trùng Quái tức là Mậu và Tử cùng trùng một Quái thì dù là Quái nào thì chúng cũng đều trở thành cực tốt cho người xem.

Chú ý 2:

Càn \wedge Càn = Bát Thuần Càn

= Dương \wedge Dương = Dương

Là hai Dương có giá trị lớn nhất phối với nhau nên kết quả của chúng cũng trở thành Quẻ (Lượng tử) có giá trị lớn nhất trong 64 Quẻ vì thế nó vẫn được xếp theo Vị tự đầu tiên của 64 Quẻ Dịch (là Quẻ Bát Thuần Càn được xếp thứ 1).

Ngược lại,

Khôn \wedge Khôn = Khôn Vi Địa (Bát Thuần Khôn)

= Âm \wedge Âm = Dương

Là hai Âm lớn nhất (lớn nhất theo giá trị Tuyệt đối) và kết quả của chúng lại biến thành Dương nên giá trị của chúng cũng tương đương với kết quả của Càn phối hợp với Càn. Vì thế, chúng được xếp thứ hai (là Quẻ Khôn Vi Địa xếp thứ 2) sau Quẻ Bát Thuần Càn.

Hoàn toàn tương tự, các phối hợp khác giữa các Bát Quái khác sẽ được xếp hạng theo thứ tự Âm Dương còn lại. Sẽ được chứng minh ở phần sau.

Các Quẻ Dịch nói trên được định nghĩa bằng các Thuật ngữ Hán dưới đây (ứng theo các số thứ tự của Quẻ được ghi trong Bảng):

1	Bát Thuần Càn	33	Thiên Sơn Độn
2	Khôn Vi Địa	34	Lôi Thiên Đại Tráng
3	Thủy Lôi Truân	35	Hoả Địa Tấn
4	Sơn Thủy Mông	36	Địa Hoả Minh Di
5	Thủy Thiên Nhu	37	Phong Hoả Gia Nhân
6	Thiên Thủy Tụng	38	Hoả Trạch Khuê
7	Địa Thủy Sư	39	Thủy Sơn Kiển
8	Thủy Địa Tỷ	40	Lôi Thủy Giải
9	Phong Thiên Tiểu Súc	41	Sơn Trạch Tồn

10 Thiên Trạch Lý	42 Phong Lôi Ích
11 Địa Thiên Thái	43 Trạch Thiên Quái
12 Thiên Địa Bĩ	44 Thiên Phong Cấu
13 Thiên Hoả Đồng Nhân	45 Trạch Địa Tuy
14 Hoả Thiên Đại Hữu	46 Địa Phong Thăng
15 Địa Sơn Khiêm	47 Trạch Thuỷ Khốn
16 Lôi Địa Dự	48 Thuỷ Phong Tỉnh
17 Trạch Lôi Tuỳ	49 Trạch Hoả Cách
18 Sơn Phong Cổ	50 Hoả Phong Đỉnh
19 Địa Trạch Lâm	51 Chấn Vi Lôi (Bát Thuần Chấn)
20 Phong Địa Quan	52 Bát Thuần Cấn
21 Hoả Lôi Phê Hạp	53 Phong Sơn Tiềm
22 Sơn Hoả Bí	54 Lôi Trạch Quy Muội
23 Sơn Địa Bóc	55 Lôi Hoả Phong
24 Địa Lôi Phúc	56 Hoả Sơn Lữ
25 Thiên Lôi Vô vọng	57 Bát Thuần Tốn
26 Sơn Thiên Đại Súc	58 Bát Thuần Đoài
27 Sơn Lôi Di	59 Phong Thuỷ Hoán
28 Trạch Phong Đại Quá	60 Thuỷ Trạch Tiết
29 Khảm Vi Thuỷ	61 Phong Trạch Trung Phu
30 Bát Thuần Ly	62 Lôi Sơn Tiểu Quá
31 Trạch Sơn Hàm	63 Thuỷ Sư Ký Tế
32 Lôi Phong Hằng	64 Thuỷ Hoả Vị Tế

Kết quả của các Quẻ nói trên có thể được tra ở các Tài liệu nói về 64 Quẻ của Bát Quái, cụ thể như ‘Tám chữ Hà lạc và Quĩ đạo Đời người’ cũng là một cuốn sách bàn luận về các Quẻ của Dịch học.

Ngoài ra, có thể tra cứu kết quả vắn tắt như dưới đây :

• **Bảng tra vắn tắt các kết quả của Quẻ**

Các việc cần đoán	Thẻ (T)	Dụng (D)	D ≠ T	T ≠ D	D → T	T → D	T = D
Chỗ ở	Chủ	Chỗ ở	Xấu	Tốt	có lợi nhiều	tốn đất, đề phòng cháy trộm	yên ổn
Hôn nhân	Chủ	Hôn nhân	Không thành, nếu thành sẽ tổn thất	Thành nhưng muộn	Đễ, nhờ hôn nhân mà có lợi	Khó, vì hôn nhân mà hao tiền tốn của	Tốt và có lợi
Sinh đẻ	Mẹ	sinh đẻ	không lợi cho mẹ	không lợi cho con	lợi cho mẹ sinh	đễ, sinh đẻ thuận lợi	thuận lợi, tốt
Cầu mưu	Chủ	việc cầu	không thành, thành sẽ hại	thành nhưng muộn	không cầu cũng thành	mưu nhiều mà thành ít	vừa ý
Cầu tài	Chủ	Tiền của	không thành	được nhưng muộn	được lợi rất dễ dàng	bị tổn thất	lợi – tài vui vẻ

Giao dịch	Chủ	việc	không thành	thành nhưng muộn	không cầu mà được	khó, sẽ hao tiền tốn của	dễ thành
Xuất hành	Chủ	đi lại	có trắc trở, rất có hại	thượng lộ bình an	được tiên tài bất ngờ	hao tiền tốn của	thuận lợi
Người đi xa	Chủ	người đi xa	không trở về	trở về muộn	nhanh trở về	chưa quay về	sắp về
Mong gặp ai	Chủ	người cần gặp	không gặp	có thể gặp	gặp được và có lợi	khó gặp, gặp vô ích	tự nhiên gặp
Mất của	Chủ	Vật bị mất	không thể tìm lại được	có thể tìm lại nhưng muộn	dễ tìm lại được	khó tìm	không bị mất
Bệnh tật	người bệnh	chữa bệnh	rất khó chữa	không thuộc cũng khỏi	sắp khỏi	khó khỏi	không can gì
Kiên tụng	Chủ	đôi phương	đôi phương thắng cuộc	chủ thắng cuộc	chủ thắng kiện, có lợi	thua lý, vì kiện mà mất của	hoà nhau
Phân mộ	Chủ	Mộ phân	Hung táng	Cát táng	Tốt, có Âm đức cho con cháu	Táng chỗ không tốt, lạnh lẽo	nơi táng đất tốt, bền lâu
Cầu danh	Chủ	Danh	không thành	thành nhưng muộn	vì danh mà có lợi	vì danh mà thua thiệt	Vừa ý

1.5. Ý nghĩa các Quẻ Dịch

Ý nghĩa cả về phương diện Toán học và kết quả tốt xấu của Quẻ cần dự đoán được trình bày sơ bộ như dưới đây:

1.5.1. Ý nghĩa Toán học

Trước hết, về mặt Toán học, các Chuỗi Lượng tử được qui định theo các qui tắc dưới đây:

- **Chiều Âm – Dương**

Chuỗi Lượng tử theo chiều phát triển bởi qui tắc Dương giảm – Âm tăng

- **Âm – Dương đối xứng**

Chuỗi Lượng tử luôn đối xứng nhau giữa các Cặp Lượng tử Âm – Dương

- **Âm – Dương bất đẳng**

Các Cặp Lượng tử Âm – Dương không bao giờ bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối mà Giá trị Tuyệt đối của Lượng tử Âm luôn bé hơn Lượng tử Dương trong cùng một Cặp.

- **Giá trị nguyên**

Các Lượng tử bất kỳ Q phải được xác định bởi một Giá trị nguyên: Bất kỳ Lượng tử nào cũng là một Tập hợp của các Lượng tử con, giả sử Lượng tử con là một số Nguyên tố Q_0 (không thể chia nhỏ hơn nữa) là 1 thì Lượng tử bất kỳ Q (Tập hợp của các Lượng tử Nguyên tố Q_0) sẽ phải được xác định bởi một số nguyên lần của Lượng tử Nguyên tố Q_0 :

$$Q_0 = 1$$

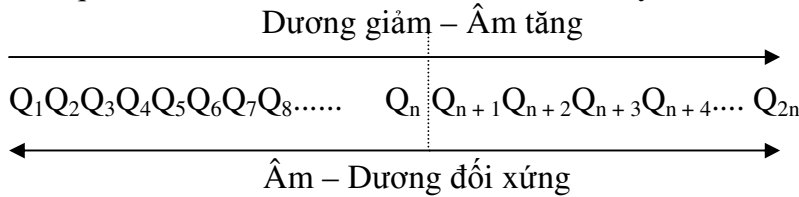
$$Q = k.Q_0$$

Trong đó, k là số nguyên.

Điều này hoàn toàn có thể chứng minh được bằng Vật lý Hiện đại: Các Nguyên tố Hoá học bất kỳ đều được cấu tạo bởi các số nguyên lần của các Hạt gồm Proton, Neutron và Electron.

Các Hạt Proton, Neutron và Electron cũng được cấu tạo từ các Hạt Nguyên tố gồm các Hạt Quark. Các Hạt Quark là những Hạt có giá trị Nguyên tố (mỗi loại Hạt Quark xác định một Giá trị Nguyên tố riêng – Có 6 loại Hạt Quark nên có 6 Giá trị Nguyên tố khác nhau).

Các qui tắc nói trên được diễn đạt như dưới đây :



○ *Diễn giải*

Giả sử Chuỗi Âm – Dương gồm $2n$ Lượng tử từ Q_1 đến Q_{2n} . Trong đó, từ Q_1 đến Q_n thuộc Dương và từ Q_{n+1} đến Q_{2n} thuộc Âm.

○ *Gán Giá trị*

Trên cơ sở những Qui tắc nói trên, có thể gán cho Chuỗi Lượng tử bất kỳ với Tập hợp các Giá trị bất kỳ, số lượng Giá trị đúng bằng số Lượng tử của Chuỗi và các Giá trị Tuyệt đối không trùng hợp nhau – Nguyên tắc Âm – Dương bất đối xứng cho rằng Âm và Dương không thể bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối (vì nếu bằng nhau tuyệt đối thì Âm – Dương sẽ triệt tiêu nhau tuyệt đối nên Vũ trụ không thể tồn tại).

1.5.2. *Ý nghĩa về Cấu trúc Hình học trực quan*

Vấn đề này cũng đã từng được một tác phẩm nghiên cứu về Sự đối xứng của các Quê Dịch đã từng được ông Nguyễn Phúc Giác Hải bàn đến. Đó là sự đối xứng trên phương diện trực quan hình học.

Nó có những ý nghĩa tượng hình cũng hàm chứa rất nhiều ý bên trong đó: Sự đối xứng về cấu trúc của các Quê cũng phần nào diễn đạt được ý nghĩa của sự đối xứng Âm – Dương về mặt cấu trúc mô phạm. Tuy vậy, nó vẫn rất hạn chế và vẫn chưa làm sáng tỏ được nhiều điều nếu không được bình giải đúng.

Tam Nguyên Luận có thể trình bày vấn đề này kỹ hơn trong nội dung của Quyển 3 – Toán học Mơ hồ (hay là Đại số Phân cực Đề qui).

1.5.3. *Kết quả của Quê*

Kết quả của các Quê thực chất là được xác định theo Nguyên lý Xác suất và Lượng tử hoá cho nên mức độ tin cậy của Kết quả Dự đoán theo sự đánh giá khách quan trên cơ sở Khoa học mà nói là vào khoảng 50%. Tuy vậy, nếu người cần dự đoán tập trung tư tưởng và đặt niềm tin vào Quê của mình thì độ tin cậy cũng sẽ tăng lên rất cao. Vì vậy, bất kỳ việc gì chúng ta cũng cần phải tập trung cao độ !!!